

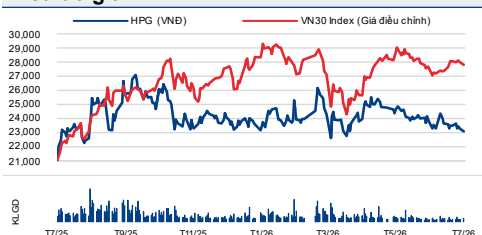
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ37,300
Tiềm năng tăng/giảm: 61.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (7/7/2026)	23,100
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	22,051-27,095
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	23,150
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	195,034
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,417
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,443
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	4,137
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,102
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.1%
Tỷ lệ freefloat	54.8%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	156,116	214,333	259,136
EBITDA đc (tỷ đồng)	28,896	41,270	50,881
LNTT (tỷ đồng)	18,041	30,117	33,033
LNT ĐC (tỷ đồng)	14,678	25,654	29,063
FCF (tỷ đồng)	(10,056)	5,702	13,038
EPS ĐC (đồng)	1,738	3,038	3,442
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	15,300	18,801	21,752
T.trưởng EBITDA (%)	34.1	42.8	23.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	(2.64)	74.8	13.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	18.5	19.3	19.6
Tỷ suất LNTT (%)	11.6	14.1	12.7
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.90	12.6	11.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	27.3	15.6	13.8
Nợ thuần/VCSH (%)	65.6	39.2	26.8
ROAE (%)	12.7	18.8	17.9
ROACE (%)	13.1	16.5	17.9
EV/doanh thu (lần)	1.67	1.11	0.83
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.05	5.74	4.21
P/E ĐC (lần)	13.3	7.60	6.71
P/B (lần)	1.51	1.23	1.06
Lợi suất cổ tức (%)	2.16	2.16	2.16

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang
Giám đốc, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q2/2026: Sản lượng tiêu thụ tăng mạnh 30% svck, sát với dự báo

- HPG công bố sản lượng tiêu thụ Q2/2026 đạt 3,8 triệu tấn, tăng 30% svck. Đây là kết quả tích cực và sát với kỳ vọng của HSC. HRC tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, với sản lượng tiêu thụ đạt 1,9 triệu tấn, tăng mạnh 64% svck.
- Chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần Q2/2026 sẽ đạt 6,4 nghìn tỷ đồng (tăng 50% svck). Động lực tăng trưởng cốt lõi đến từ sự cộng hưởng giữa tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và tỷ suất lợi nhuận tăng.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 37.300đ (tiềm năng tăng giá là 62%). HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 7,2 lần, so với bình quân 3 năm ở mức 12,5 lần, trong khi triển vọng lợi nhuận rất khả quan.

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ Q2/2026

HPG công bố sản lượng tiêu thụ Q2/2026 tích cực với 3,8 triệu tấn thép thành phẩm, tăng 30% svck và tăng 11% so với quý trước. Chi tiết như sau:

Sản lượng tiêu thụ HRC tăng 64% svck, dẫn dắt đà tăng trưởng tổng sản lượng

HRC tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, với sản lượng tiêu thụ Q2/2026 đạt 1,9 triệu tấn, tăng 64% svck và tăng 31% so với quý trước. Theo đó, trong tháng 6, sản lượng tiêu thụ HRC của HPG tăng mạnh 84% svck và tăng 13% so với tháng trước, đạt 702.000 tấn. Kết quả này đánh dấu tháng tăng trưởng thứ sáu liên tiếp kể từ đầu năm, phần lớn nhờ vào hiệu quả của các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với sản phẩm HRC nhập khẩu từ Trung Quốc.

Do đó, HRC trở thành sản phẩm thép đạt sản lượng tiêu thụ lớn nhất của HPG. Trong nửa đầu năm 2026, sản lượng tiêu thụ HRC đạt 3,4 triệu tấn (tăng 57% svck), đóng góp 47% tổng sản lượng tiêu thụ thép của HPG, cao hơn so với mức đóng góp 39% trong nửa đầu năm 2025.

Thị phần HRC của HPG cũng tăng mạnh trong giai đoạn này, đạt mức 33,7% trong 5 tháng đầu năm 2026, so với mức 24.0% trong 5 tháng đầu năm 2025 và 27.0% trong cả năm 2025. Đà tăng trưởng vững chắc ở cả sản lượng tiêu thụ và thị phần HRC chủ yếu được thúc đẩy bởi các biện pháp phòng vệ thương mại đối với HRC Trung Quốc. Cụ thể bao gồm thuế CBPG lên đến 27,83% đối với sản phẩm HRC có khổ rộng dưới 1.880mm (áp dụng từ tháng 3/2025) và thuế chống lẩn tránh thương mại đối với HRC khổ rộng từ 1.880–2.300mm (có hiệu lực từ tháng 4/2026)

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 9/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ Q2/2026, HPG

Tăng mạnh và sát dự báo, nhờ sản lượng HRC tăng trưởng

Tán	T6-26	So với cùng kỳ	So với tháng trước	Q2/26	sv cùng kỳ	sv quý trước
Thép xây dựng	408,000	27%	-5%	1,308,212	2%	-9%
HRC	702,000	84%	13%	1,924,872	64%	31%
Tôn mạ	13,000	-57%	-59%	83,511	-25%	-21%
Ống thép	55,000	-26%	-27%	212,236	-2%	-12%
Phôi thép/ tấm slab	140,000	N/a	40%	269,994	98%	71%
Tổng cộng	1,318,000	63%	5%	3,798,825	30%	11%

Nguồn: HPG, HSC

Về giá bán bình quân, giá HRC đã tăng đều đặn sau khi thuế chống lẩn tránh đối với HRC khổng lồ của Trung Quốc có hiệu lực, tăng từ mức 13.520 đồng/kg trong tháng 4 lên 15.740 đồng/kg trong tháng 6. Tuy nhiên, giá cho đơn hàng giao trong tháng 7 và tháng 8 đã giảm xuống còn 15.360 đồng/kg và 14.460 đồng/kg. HSC cho rằng sự điều chỉnh giá này chủ yếu phản ánh yếu tố mùa vụ khi nhu cầu suy yếu trong mùa mưa, cùng với chi phí nguyên liệu đầu vào giảm.

Theo dữ liệu từ Bloomberg, trong tháng 6, giá quặng sắt đã giảm 7% so với tháng trước xuống còn 96 USD/tấn, trong khi giá than luyện cốc tăng 3% so với tháng trước lên mức 245 USD/tấn. Do quặng sắt chiếm tỷ trọng lớn hơn đáng kể trong giá thành sản xuất thép so với than luyện cốc (khoảng 35–40% so với 25–30%), chúng tôi dự báo chi phí nguyên liệu chung vẫn tiếp tục xu hướng giảm, cho phép HPG giảm giá bán mà vẫn giữ tỷ suất lợi nhuận tốt.

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tăng 2% so với cùng kỳ

Trong Q2/2026, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 1,3 triệu tấn, tăng 2% svck. Chỉ trong tháng 6, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 408.000 tấn (tăng 27% svck). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, HPG tiêu thụ 2,8 triệu tấn thép xây dựng, tăng 19% svck.

Về giá bán, HPG đã giảm 300 đồng/kg đối với giá thép xây dựng trong tháng 6 khi chi phí nguyên liệu đầu vào giảm như đã thảo luận ở phần trên. Giá bán thép cuộn và thép thanh của HPG hiện đang ở mức 14.710 đồng/kg và 15.050 đồng/kg. Bất chấp đợt điều chỉnh giảm trong tháng 6, cả hai mức giá này hiện vẫn cao hơn khoảng 7% so với thời điểm đầu năm.

Cập nhật sản lượng tiêu thụ tôn mạ & ống thép

Sản lượng tiêu thụ ống thép và tôn mạ lần lượt đạt 212.236 tấn (giảm 2% svck) và 83.511 tấn (giảm 25% svck). Trong tháng 6, sản lượng tiêu thụ ống thép và tôn mạ lần lượt đạt 55.000 tấn (giảm 26% svck) và 13.000 tấn (giảm 57% svck). HSC cho rằng sản lượng tiêu thụ suy yếu là do các đại lý giảm tích lũy hàng tồn kho vì kỳ vọng giá bán ống thép và tôn mạ sẽ giảm, sau khi HPG thông báo giảm giá bán HRC cho các đơn hàng giao trong tháng 7 như đã thảo luận ở phần trên.

Trong nửa đầu năm 2026, sản lượng tiêu thụ ống thép và tôn mạ lần lượt đạt 453.666 tấn (tăng 13% svck) và 189.733 tấn (giảm 5% svck).

Dự báo lợi nhuận Q2/2026

Do sản lượng tiêu thụ sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần Q2/2026 ở mức 6,4 nghìn tỷ đồng, tăng 50% svck. Nếu đạt được kết quả này, HPG sẽ hoàn thành 57% dự báo lợi nhuận thuần cho cả năm 2026 của chúng tôi ở mức 27 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 75%.

Duy trì k/n Mua vào, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 7,2 lần, so với bình quân 3 năm tính từ tháng 1/2023 ở mức 12,5 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi là 37.300đ (tiềm năng tăng giá là 62%). Chúng tôi tin rằng HPG tiếp tục là một trong những cơ hội đầu tư dài hạn hấp dẫn nhất, nhờ có triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực, vị thế dẫn đầu ngành, năng lực quản trị doanh nghiệp tốt, bảng CĐKT lành mạnh và mức định giá hấp dẫn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	138,855	156,116	214,333	259,136	299,253
Lợi nhuận gộp	18,498	24,498	34,808	42,879	49,294
Chi phí BH&QL	(3,883)	(4,070)	(5,787)	(6,997)	(8,080)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	14,615	20,428	29,021	35,883	41,214
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	881	(3,109)	(2,603)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	426	135	214	259	299
LN TT	13,693	18,041	30,117	33,033	38,911
Chi phí thuế TNDN	(1,673)	(2,526)	(2,999)	(2,312)	(2,724)
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.42	(64.8)	(113)	(128)	(151)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	12,021	15,450	27,004	30,592	36,036
Lợi nhuận thuần ĐC	11,420	14,678	25,654	29,063	34,234
EBITDA ĐC	21,543	28,896	41,270	50,881	54,221
EPS (đồng)	1,879	1,830	3,198	3,623	4,268
EPS ĐC (đồng)	1,488	1,738	3,038	3,442	4,055
DPS (đồng)	0	500	500	500	500
Sig CP bình quân (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	6,888	8,301	28,963	43,201	60,873
Đầu tư ngắn hạn	18,975	19,484	21,433	31,096	38,903
Phải thu khách hàng	7,648	15,065	17,147	20,731	23,940
Hàng tồn kho	46,091	52,828	64,300	72,558	92,769
Các tài sản ngắn hạn khác	7,073	8,004	11,145	14,252	17,357
Tổng tài sản ngắn hạn	86,674	103,682	142,988	181,839	233,841
TSCĐ hữu hình	130,995	144,291	138,199	130,941	120,809
TSCĐ vô hình	184	187	206	227	249
Bất động sản đầu tư	560	528	478	420	353
Đầu tư dài hạn	137	2,248	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5,940	6,985	12,233	14,776	17,053
Tổng tài sản dài hạn	137,815	154,240	151,117	146,363	138,465
Tổng cộng tài sản	224,490	257,922	294,104	328,202	372,306
Nợ ngắn hạn	55,883	64,695	66,443	69,967	80,798
Phải trả người bán	14,047	21,183	27,863	33,688	38,903
Nợ ngắn hạn khác	2,813	5,091	6,346	7,432	8,402
Tổng nợ ngắn hạn	75,225	94,209	105,100	116,464	134,313
Nợ dài hạn	27,080	27,479	23,640	21,108	16,886
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	29.3	31.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	7,440	4,906	4,470	4,694	4,930
Tổng nợ dài hạn	34,550	32,416	28,110	25,802	21,816
Tổng nợ phải trả	109,842	126,702	133,210	142,266	156,129
Vốn chủ sở hữu	114,356	129,178	158,739	183,653	213,742
Lợi ích cổ đông thiểu số	291	2,042	2,155	2,284	2,435
Tổng vốn chủ sở hữu	114,647	131,220	160,894	185,937	216,177
Tổng nợ phải trả và VCSH	224,490	257,922	294,104	328,202	372,306
BVPS (đ)	17,879	15,300	18,801	21,752	25,316
Nợ thuần*/(tiền mặt)	76,075	83,873	61,121	47,873	36,812

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	14,615	20,428	29,021	35,883	41,214
Khấu hao	(6,928)	(8,468)	(12,249)	(14,999)	(13,007)
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	881	(3,109)	(2,603)
Thuế TNDN đã nộp	(937)	(1,995)	(2,999)	(2,312)	(2,724)
Thay đổi vốn lưu động	(13,927)	(10,949)	(31,364)	(27,940)	(39,454)
Khác	(2,358)	(3,373)	(395)	(4,736)	(4,809)
LCT thuần từ HKKD	6,608	15,694	11,245	20,026	11,403
Đầu tư TS dài hạn	(35,495)	(25,750)	(5,543)	(6,988)	(2,213)
Góp vốn & đầu tư	(27,166)	(29,083)	(2,916)	(10,335)	(8,408)
Thanh lý	32,872	29,661	656	356	506
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(29,788)	(25,172)	(7,803)	(16,967)	(10,115)
Cổ tức trả cho CSH	(4,97)	(27.0)	(3,838)	(4,222)	(4,222)
Thu từ phát hành CP	233	1,707	0	0	0
Tăng/giảm nợ	17,587	9,211	21,058	15,401	20,605
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	17,815	10,891	17,220	11,179	16,384
Tiền & tương đương tiền đầu kì	12,252	6,888	8,301	28,963	43,201
LCT thuần trong kỳ	(5,365)	1,413	20,662	14,238	17,672
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.76	(0.15)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,888	8,301	28,963	43,201	60,873
Dòng tiền tự do	(28,887)	(10,056)	5,702	13,038	9,190

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	13.3	15.7	16.2	16.5	16.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	18.5	19.3	19.6	18.1
Tỷ suất LNT (%)	8.66	9.90	12.6	11.8	12.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.2	14.0	9.96	7.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	16.7	12.4	37.3	20.9	15.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	31.1	34.1	42.8	23.3	6.56
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	75.9	28.5	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng EPS (%)	59.9	(2.64)	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	75.9	16.8	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	27.3	15.6	13.8	11.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	11.1	12.7	18.8	17.9	18.1
ROACE (%)	11.0	13.1	16.5	17.9	18.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.65	0.78	0.83	0.85
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.45	0.77	0.39	0.56	0.28
Số ngày tồn kho	140	147	131	122	135
Số ngày phải thu	23.2	41.8	34.9	35.0	35.0
Số ngày phải trả	42.6	58.7	56.6	56.9	56.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	67.2	65.6	39.2	26.8	18.0
Nợ/tài sản (%)	37.3	36.1	31.0	28.2	26.7
EBIT/lãi vay (lần)	10.8	8.10	N/a	11.5	15.8
Nợ/EBITDA (lần)	3.89	3.22	2.21	1.82	1.83
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.15	1.10	1.36	1.56	1.74
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.48	1.67	1.11	0.83	0.65
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.52	9.05	5.74	4.21	3.60
P/E (lần)	12.3	12.6	7.22	6.38	5.41
P/E ĐC (lần)	15.5	13.3	7.60	6.71	5.70
P/B (lần)	1.29	1.51	1.23	1.06	0.91
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.16	2.16	2.16	2.16

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn